

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: DƯỢC HỌC

MÃ NGÀNH: 7720201

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~361~~ QĐ-NTT ngày ~~26~~ tháng ~~6~~... năm ~~2020~~ về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Dược học
- Tên tiếng Anh: Pharmacy

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khóa học áp dụng: 2020

5. Thời gian đào tạo: 5 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Dược sĩ
- Tên tiếng Anh: The Degree of Pharmacist

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa Dược
- + Địa chỉ văn phòng: Cơ sở 1, Lầu 2 – số 300A, Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: 02871080889 (số nội bộ: 322)

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- **Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia 2020.**

Điều kiện: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

Thí sinh tham dự kỳ thi THPT Quốc gia 2020;

Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường ĐH Nguyễn Tất Thành quy định áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của BGDĐT.

- **Phương thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn hoặc điểm tổng kết năm.**

Điều kiện: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương + Học bạ năm lớp 12 đạt tiêu chí áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của BGDDĐT.

- **Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2020 của Đại học Quốc gia TP.HCM.**

- **Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, cử tuyển.**

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải:

Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia;

Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia;

Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế;

Xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Theo yêu cầu đặc thù của ngành Dược, tân sinh viên phải sức khỏe phù hợp để đảm bảo quá trình học tập và đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

Tổ hợp môn xét tuyển:

A00: Toán – Vật lý – Hóa học

A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh

B00: Toán – Hoá học – Sinh học

D07: Toán – Hoá học – Tiếng Anh

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định:

- Đạt chứng nhận 4 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2019.
- Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp.
- Đạt kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ Đại học công bố ngày 15/04/2020 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp.

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- **GA1.** Năng lực chuyên môn trong lĩnh vực Dược.
- **GA2.** Kỹ năng giao tiếp và cộng tác.
- **GA3.** Năng lực tổ chức và quản lý.
- **GA4.** Hành nghề theo quy định và đạo đức xã hội.

12. Mục tiêu đào tạo

- **PEO1.** Vận dụng kiến thức chuyên môn để hoạt động trong lĩnh vực Dược: Sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.
- **PEO2.** Giao tiếp và cộng tác hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.
- **PEO3.** Thu nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp; tổ chức và làm việc hiệu quả.
- **PEO4.** Hành nghề theo quy tắc đạo đức và quy định của pháp luật; có ý thức học tập suốt đời.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Dược có:

Kiến thức

ELO1 (K1). Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, chính trị pháp luật vào hoạt động chuyên môn Dược.

ELO2 (K2). Vận dụng kiến thức chuyên môn và phương pháp luận khoa học để phục vụ quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.

Kỹ năng

ELO3 (S1). Thực hiện thu nhận, xử lý thông tin và tổ chức công việc theo yêu cầu; sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

ELO4 (S2). Áp dụng các kỹ năng giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng; hợp tác với nhóm liên ngành bằng nhiều phương thức khác nhau.

ELO5 (S3). Thực hiện đúng các tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.

Thái độ

ELO6 (A1). Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức ngành Dược và trách nhiệm xã hội.

ELO7 (A2). Thể hiện động cơ khởi nghiệp, khả năng nghiên cứu khoa học và học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT(ELOs)						
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7
GA1	✓			✓	✓	✓			✓		✓
GA2		✓	✓				✓	✓	✓		
GA3		✓	✓				✓	✓	✓		
GA4	✓			✓						✓	✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT(PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của CTĐT(ELOs)						
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7
PEO1	✓	✓			✓		✓
PEO2			✓	✓	✓		
PEO3			✓	✓	✓		
PEO4		✓				✓	✓

14.3. Môi liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Nhập môn ngành dược (2 tín chỉ)			
	Sinh học tế bào dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Sinh học phân tử dược (2 tín chỉ)			
	Sinh học phân tử dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa vô cơ (2 tín chỉ)			
	Hóa hữu cơ (3 tín chỉ)			
	Thực vật dược (3 tín chỉ)			
	Thực vật dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Giải phẫu – sinh lý (3 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 1 (2 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 2 (2 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	GA1			
Hóa sinh dược (2 tín chỉ)				
Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tín chỉ)				
Tin học ứng dụng trong ngành dược (1 tín chỉ)				
Vi sinh dược (2 tín chỉ)				
Vi sinh dược - Thực hành (1 tín chỉ)				
Ký sinh trùng dược (2 tín chỉ)				
Ký sinh trùng dược – Thực hành (1 tín chỉ)				
Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)				
Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)				
Truyền thông giáo dục sức khỏe (1 tín chỉ)				
Thực hành dược khoa 1 (1 tín chỉ)				
Thực hành dược khoa 2 (1 tín chỉ)				
Thực hành dược khoa 3 (1 tín chỉ)				
Dược động học (2 tín chỉ)				
Dược lý 1 (2 tín chỉ)				
Dược lý 1 – Thực hành (1 tín chỉ)				
Dược lý 2 (2 tín chỉ)				
Dược lý 2 – Thực hành (1 tín chỉ)				
Dược liệu 1 (3 tín chỉ)				
Dược liệu 2 (2 tín chỉ)				

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa dược 1 (2 tín chỉ)			
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa dược 2 (2 tín chỉ)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Độc chất học (2 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng (3 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng – Thực hành 1 (1 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng - Thực hành 2 (1 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 (2 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 (2 tín chỉ)			
	Pháp chế dược (2 tín chỉ)			
	Kiểm nghiệm thuốc (3 tín chỉ)			
	Dược học cổ truyền (2 tín chỉ)			
	Dược học cổ truyền – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Quản lý và kinh tế dược (2 tín chỉ)			
	Chuyên ngành bắt buộc (8 tín chỉ)			
	Chuyên ngành tự chọn (4 tín chỉ)			
	Khóa luận/Chuyên đề thay thế (7 tín chỉ)			
	Thực tập cơ sở (5 tín chỉ)			
GA2	Hóa hữu cơ – Thực hành (1 tín chỉ)	34	63	36.62%
	Thực vật dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa lý dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa sinh dược (2 tín chỉ)			
	Hóa sinh dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Sinh lý & sinh lý bệnh – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Vi sinh dược - Thực hành (1 tín chỉ)			
	Ký sinh trùng dược – Thực hành (1 tín chỉ)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG				
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ			
	Bệnh học (2 tín chỉ)						
	Bệnh học – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)						
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)						
	Truyền thông giáo dục sức khỏe (1 tín chỉ)						
	Thực hành dược khoa 1 (1 tín chỉ)						
	Dược lý 1 (2 tín chỉ)						
	Dược lý 2 (2 tín chỉ)						
	Dược lý 2 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Dược liệu 1 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Dược liệu 2 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Độc chất học (2 tín chỉ)						
Độc chất học – Thực hành (1 tín chỉ)							
Dược lâm sàng - Thực hành 1 (1 tín chỉ)							
Dược lâm sàng - Thực hành 2 (1 tín chỉ)							
Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành (1 tín chỉ)							
Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành (1 tín chỉ)							
Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 tín chỉ)							
Chuyên ngành bắt buộc (8 tín chỉ)							
Chuyên ngành tự chọn (4 tín chỉ)							
Khóa luận/Chuyên đề thay thế (7 tín chỉ)							
Thực tập cơ sở (5 tín chỉ)							
GA3	Hóa hữu cơ – Thực hành (1 tín chỉ)	21	44	25.58%			
	Hóa phân tích 1 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tín chỉ)						
	Hóa lý dược – Thực hành (1 tín chỉ)						

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa sinh dược – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tín chỉ)			
	Dược lý 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Dược liệu 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Dược liệu 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Độc chất học – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng (3 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng – Thực hành 1 (1 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng - Thực hành 2 (1 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Chuyên ngành bắt buộc (8 tín chỉ)			
	Chuyên ngành tự chọn (4 tín chỉ)			
	Khóa luận/Chuyên đề thay thế (7 tín chỉ)			
	Thực tập cơ sở (5 tín chỉ)			
GA4	Hóa vô cơ (2 tín chỉ)	32	79	45,93%
	Thực vật dược (3 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 1 (2 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 2 (2 tín chỉ)			
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tín chỉ)			
	Bệnh học (2 tín chỉ)			
	Bệnh học – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)			
	Dược động học (2 tín chỉ)			
	Dược lý 1 (2 tín chỉ)			
	Dược lý 2 (2 tín chỉ)			
	Dược liệu 1 (3 tín chỉ)			
	Dược liệu 2 (2 tín chỉ)			
Hóa dược 1 (2 tín chỉ)				

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Hóa dược 2 (2 tín chỉ)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Độc chất học (2 tín chỉ)			
	Độc chất học – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Dược lâm sàng (3 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 (2 tín chỉ)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 (2 tín chỉ)			
	Pháp chế dược (2 tín chỉ)			
	Kiểm nghiệm thuốc (3 tín chỉ)			
	Dược học cổ truyền (2 tín chỉ)			
	Dược học cổ truyền – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Chuyên ngành bắt buộc (8 tín chỉ)			
	Chuyên ngành tự chọn (4 tín chỉ)			
	Khóa luận/Chuyên đề thay thế (7 tín chỉ)			
	Thực tập cơ sở (5 tín chỉ)			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

<p>HỌC PHẦN ĐẠI CƯƠNG - 18 TC</p> <p>Chính trị - Pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Mác – Lê nin (3TC) 2. Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin (2 TC) 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC) 4. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (2 TC) 5. Tư tưởng HCM (2 TC) 6. Pháp luật đại cương (2 TC) <p>Toán – Vật lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vật lý đại cương (3 TC) 2. Xác suất thống kê y dược (2 TC) 	<p>HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH - 51 TC</p> <p>Nhập môn</p> <p>Kiến thức sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh học tế bào được – TH (1 TC) 2. Sinh học phân tử được (2 TC) 3. Sinh học phân tử được TH (1 TC) 4. Thực vật được (3 TC) 5. Thực vật được TH (1 TC) 6. Vi sinh được (2 TC) 7. Vi sinh được TH (1 TC) 8. Ký sinh trùng được (2 TC) 9. Ký sinh trùng được TH (1 TC) <p>Kiến thức hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa vô cơ (2 TC) 2. Hóa hữu cơ (3 TC) 3. Hóa hữu cơ TH (1 TC) 4. Hóa lý được (2 TC) 5. Hóa lý được TH (1 TC) 6. Hóa sinh được (2 TC) 7. Hóa sinh được TH (1 TC) 8. Hóa phân tích 1 (2 TC) 9. Hóa phân tích 1 TH (1 TC) 10. Hóa phân tích 2 (2 TC) 11. Hóa phân tích 2 – TH (1 TC) <p>Kiến thức y học cơ sở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giải phẫu sinh lý (3 TC) 2. Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 TC) 3. Sinh lý & sinh lý bệnh TH (1 TC) 4. Bệnh học (2 TC) 5. Bệnh học – Thực hành (1 TC) 6. Truyền thông giáo dục sức khỏe (1 TC) <p>Tin học – ngoại ngữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 TC) 3. Tin học ứng dụng trong ngành dược (1 TC) 	<p>HỌC PHẦN NGÀNH - 52 TC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hành dược khoa 1 (1 TC) 2. Thực hành dược khoa 2 (1 TC) 3. Thực hành dược khoa 3 (1 TC) 4. Dược đồng học (2 TC) 5. Dược lý 1 (2 TC) 6. Dược lý 1 – Thực hành (1 TC) 7. Dược lý 2 (2 TC) 8. Dược lý 2 – Thực hành (1 TC) 9. Dược liệu 1 (3 TC) 10. Dược liệu 1 – Thực hành (1 TC) 11. Dược liệu 2 (2 TC) 12. Dược liệu 2 – Thực hành (1 TC) 13. Hóa dược 1 (2 TC) 14. Hóa dược 1 – Thực hành (1 TC) 15. Hóa dược 2 (2 TC) 16. Hóa dược 2 – Thực hành (1 TC) 17. Độc chất học (2 TC) 18. Độc chất học – Thực hành (1 TC) 19. Dược lâm sàng (3 TC) 20. Dược lâm sàng 1 TH (1 TC) 21. Dược lâm sàng 2 - TH (1 TC) 22. Bảo chế và công nghệ dược phẩm 1 (2 TC) 23. Bảo chế và công nghệ dược phẩm 1 – TH (1 TC) 24. Bảo chế và công nghệ dược phẩm 2 (2 TC) 25. Bảo chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành (1 TC) 26. Pháp chế dược (2 TC) 27. Kiểm nghiệm thuốc (3 TC) 28. Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 TC) 29. Dược học cổ truyền (2 TC) 30. Dược học cổ truyền – Thực hành (1 TC) 31. Quản lý và kinh tế dược (2 TC) 32. Thực tập thực tế chung (3 TC) 	<p>HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH - 14 TC</p> <p>Chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực tập Chuyên ngành quản lý và cung ứng thuốc (2 TC) 2. Dược xã hội học (2 TC) 3. Dược dịch tễ (1 TC) 4. Marketing và thị trường dược phẩm (1 TC) 5. Kinh tế doanh nghiệp dược (2 TC) 6. Bảo quản thuốc (2 TC) 7. Tự chọn (4 TC) 	<p>HỌC PHẦN BỔ TRỢ - 30 TC</p> <p>Kỹ năng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ năng giao tiếp HP1 (2 TC) 2. Kỹ năng giao tiếp HP2 (2TC) 3. Tư duy sáng tạo (2 TC) 4. Logic học (2 TC) 5. Khởi nghiệp (2 TC) <p>Tin học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tin học MOS 1 (2 TC) <p>Ngoại ngữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh tổng quát 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh tổng quát 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 (3 TC) 4. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 (3 TC) 5. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 (3 TC) 6. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 (3 TC) 	<p>HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo dục thể chất 2. Giáo dục quốc phòng 	<p>Chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 8. Thực tập Chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc (2 TC) 9. Sản xuất thuốc 1 (2 TC) 10. Sản xuất thuốc 2 (1 TC) 11. Sản xuất thuốc 3 (1 TC) 12. Thẩm định quy trình SX thuốc (2 TC) 13. Hệ thống tri liệu môi và một số dạng thuốc đặc biệt (2 TC) 14. Tự chọn (4 TC) <p>Chuyên ngành Dược lâm sàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực tập Chuyên ngành Dược lâm sàng (2 TC) 2. Dược lý 3 (2 TC) 3. Hóa sinh lâm sàng (1 TC) 4. Sử dụng thuốc trong điều trị (2 TC) 5. Sử dụng thuốc trong điều trị - thực hành (1 TH) 6. Chăm sóc dược (2 TC) 7. Tự chọn (4 TC) 	<p>KIẾN THỨC TỐI NGHIỆP – 7 TC</p> <p>Hoặc chuyên đề thay thế</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khóa luận tốt nghiệp (7 TC) 2. Chuyên đề quản lý dược (3 TC) 3. Chuyên đề bảo chế (3 TC) 4. Chuyên đề dược lâm sàng (3 TC) 5. Chuyên đề hóa dược (2 TC) 6. Chuyên đề dược liệu (2 TC) 7. Chuyên đề dược lý (2 TC) 8. Chuyên đề kiểm nghiệm (2 TC) 	<p>ĐƯỢC HỌC – (172 TÍN CHỈ)</p>
--	---	--	---	--	---	--	---	--

16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo

17. Đối sánh chương trình đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
1.	Tiếng Anh TOEIC QT 400	Đạt trình độ tiếng Anh 400 điểm TOIEC (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) hay các hình thức đánh giá khác của tiếng Anh hoặc tiếng Đức, Nga, Pháp, Trung có trình độ tương ứng. Có khả năng giao tiếp thông thường và khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.	90%	Có năng lực tiếng Anh đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT hay các hình thức đánh giá khác của tiếng Anh hoặc tiếng Pháp có trình độ tương đương. Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành và giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.	70%
2.	Chứng chỉ Tin học MOS (W)	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê. Có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y-Dược. Có khả năng thay khác và sử dụng được các dịch vụ cơ bản của internet trong tìm kiếm và trao đổi	80%	Sử dụng thành thạo các chương trình máy tính thông dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, xử lý thống kê, soạn thảo và trình bày văn bản.	80%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
3.	ELO1 (K1). Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, chính trị pháp luật vào hoạt động chuyên môn Dược.	thông tin Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lenin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.	90%	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê-nin, đường lối cách mạng của Đảng CSVN và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở phục vụ cho học tập và nghiên cứu chuyên môn được	90%
	ELO2 (K2). Vận dụng kiến thức chuyên môn và phương pháp luận khoa học để phục vụ quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.	Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bảo chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng, cung ứng, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng Nắm vững được các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức	90%	Vận dụng các quy định của pháp luật Việt Nam, chính sách ngành y tế liên quan đến chiến lược phát triển ngành Dược, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Có kiến thức chuyên môn dược học cơ bản liên quan đến sản xuất nguyên liệu hóa dược, sinh học và dược liệu dùng làm thuốc, kỹ thuật và công nghệ bào	90%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
	khỏe nhân dân Có kiến thức bổ trợ về một trong các lĩnh vực: công nghiệp dược, dược lâm sàng, quản lý và kinh tế dược, đảm bảo chất lượng thuốc, dược liệu và dược cổ truyền			ché các dạng thuốc thông thường; đảm bảo chất lượng thuốc, bảo quản và cung ứng thuốc; tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng an toàn, hiệu quả cho nhân viên y tế và người bệnh Có kiến thức chuyên môn bổ trợ về một trong các định hướng chuyên ngành sau: sản xuất và phát triển thuốc, dược liệu và dược cổ truyền, kiểm tra chất lượng thuốc, quản lý và cung ứng thuốc, dược lâm sàng	
5.	ELO3 (S1). Thực hiện thu nhận, xử lý thông tin và tổ chức công việc theo yêu cầu; sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Tổ chức và quản lý được các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc. Thiết lập kế hoạch và quản lý thời gian làm việc một cách hiệu quả. Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm.	80%	Có khả năng làm việc nhóm, tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn được giao và hướng dẫn cán bộ cấp dưới về chuyên môn được Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý thông tin, chuẩn bị và trình bày được các thông tin liên quan trong lĩnh vực được	70%
6.	ELO4 (S2). Áp dụng các kỹ	Có khả năng giao tiếp, soạn thảo,	80%	Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp,	80%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
	<p>năng giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng; hợp tác với nhóm liên ngành bằng nhiều phương thức khác nhau.</p>	<p>thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.</p>		<p>người bệnh và cộng đồng</p>	
7.	<p>ELO5 (S3). Thực hiện đúng các tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.</p>	<p>Tham gia tổ chức và triển khai được thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Triển khai được các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên.</p> <p>Triển khai thực hiện được các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.</p> <p>Xây dựng và triển khai được kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.</p>	80%	<p>Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị cơ bản dùng trong bảo chế, kiểm nghiệm và nghiên cứu phát triển thuốc</p> <p>Nhận biết được các dược liệu thiết yếu và thông dụng có trong danh mục các dược liệu thiết yếu của bộ Y tế</p> <p>Tổ chức thực hiện được các thực hành tốt trong sản xuất, quản lý chất lượng thuốc, cung ứng và hướng dẫn, sử dụng thuốc, dược liệu</p> <p>Xây dựng được công thức và quy trình bảo chế các dạng thuốc thông thường</p> <p>Phân tích được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến xây dựng</p>	70%

TT	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Thành phố Hồ Chí Minh - Ban Xét Tuyển năm 2020</p>	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban Xét Tuyển năm 2014 kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh - Ban Xét Tuyển năm 2018 kèm theo Quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>
		<p>Tư vấn và hướng dẫn được cho các nhân viên y tế và cộng đồng về thuốc.</p> <p>Thu thập, tổng hợp, đánh giá và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.</p> <p>Có thêm một số kỹ năng trong các lĩnh vực sau: công nghiệp dược, dược lâm sàng, quản lý và kinh tế dược, đảm bảo chất lượng thuốc, dược liệu và dược cổ truyền</p>		<p>công thức và sản xuất thuốc</p> <p>Thực hiện được các quy định kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và chế phẩm thông dụng</p> <p>Thực hiện thành thạo các thao tác dược lý thực nghiệm cơ bản trên động vật thí nghiệm</p> <p>Tính toán và hiệu chỉnh được liều lượng, chế độ dùng thuốc cho các đối tượng khác nhau căn cứ trên đặc tính dược động học của thuốc và thể trạng người bệnh</p> <p>Phân tích được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe của bệnh nhân</p> <p>Hướng dẫn sử dụng thuốc và dược liệu cho bệnh nhân an toàn, hiệu quả</p> <p>Vận dụng được các văn bản qui phạm pháp luật về dược trong hoạt động nghề nghiệp, soạn thảo được một số văn bản qui phạm cá biệt liên quan đến</p>	

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
8.	ELO6 (A1). Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức ngành Dược và trách nhiệm xã hội.	Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp Nhận thức rõ và có ý thức bảo vệ môi trường Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng	80%	công tác dược Lập được kế hoạch trong cung ứng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao, vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh dược và kinh tế y tế	80%

TT	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
9.	ELO7 (A2). Thể hiện động cơ khởi nghiệp, khả năng nghiên cứu khoa học và học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.	Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục.	70%	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	80%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành B.S. in Pharmaceutical Sciences của Trường ĐH Purdue University Được sự chấp thuận của khoa, ngày 19 tháng 2 năm 2010; tái khẳng định tháng 5 năm 2017; Sửa đổi tháng 4 năm 2019	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Bachelor of Pharmacy của trường ĐH The University of Sydney Áp dụng từ ngày 01/01/2020	Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)
1.	ELO1 (K1). Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, chính trị pháp luật vào hoạt động chuyên môn Dược.			Demonstrate an understanding of the design, manufacture and performance of drug dosage forms, the mechanisms of action and the properties drugs display as biologically active molecules in living systems.	70%
2.	ELO2 (K2). Vận dụng kiến thức chuyên môn và phương pháp luận khoa học để phục vụ quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.	A broad knowledge of pharmaceutical and related sciences	90%	Demonstrate an understanding of management and organisational theories and their application in different professional practice in pharmacy settings. Understand the issues associated with the delivery of pharmaceutical services in a range of rural and remote settings.	
3.	ELO3 (S1). Thực hiện thu nhận, xử lý thông tin và tổ chức công việc theo yêu cầu; sáng tạo, linh	An ability to contribute in various roles on effective teams	50%	Ability to recognise the importance of, and to report, signs and symptoms of	50%

TT	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020</p> <p>hoạt trong giải quyết vấn đề.</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành B.S. in Pharmaceutical Sciences của Trường ĐH Purdue University</p> <p><i>Được sự chấp thuận của khoa, ngày 19 tháng 2 năm 2010; tái khẳng định tháng 5 năm 2017; Sửa đổi tháng 4 năm 2019</i></p> <p>Leadership skills</p> <p>Effective written and oral communication skills</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Bachelor of Pharmacy của trường ĐH The University of Sydney</p> <p><i>Áp dụng từ ngày 01/01/2020</i></p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>
4.	<p>ELO4 (S2). Áp dụng các kỹ năng giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng; hợp tác với nhóm liên ngành bằng nhiều phương thức khác nhau.</p>	<p>Leadership skills</p> <p>Effective written and oral communication skills</p>	<p>90%</p>	<p>impairment (whether mental, physical or drug and alcohol related) in themselves and others, bearing in mind the responsibility for patient safety. Ability to identify a safe and an environmentally appropriate manner for storing, supplying and disposing of medicines.</p> <p>Ability to provide pharmacy cognitive services, prescription medicines and appropriate advice and counselling, and over the counter products using endorsed professional protocols.</p> <p>Ability to provide patient education in relation to medicines and therapeutic and monitoring devices.</p>	<p>80%</p>
5.	<p>ELO5 (S3). Thực hiện đúng các</p>	<p>An ability to integrate and apply</p>	<p>80%</p>	<p>Demonstrate a working</p>	<p>70%</p>

TT	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020</p>	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành B.S. in Pharmaceutical Sciences của Trường ĐH Purdue University Được sự chấp thuận của khoa, ngày 19 tháng 2 năm 2010; tái khẳng định tháng 5 năm 2017; Sửa đổi tháng 4 năm 2019</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>	<p>KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Bachelor of Pharmacy của trường ĐH The University of Sydney Áp dụng từ ngày 01/01/2020</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>
	<p>tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, quản lý - cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.</p>	<p>knowledge to solve problems</p>		<p>understanding of fundamental concepts and techniques of chemistry necessary for understanding drug delivery, drug action and therapeutics, diagnostics, and the identification of sources of drugs. Ability to identify the way they are discovered, purified, characterised and analysed, and their physico-chemical properties. Ability to apply a systematic reasoning process to address a range of health and drug-related problems that present in Pharmacy.</p>	
6.	<p>ELO6 (A1). Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức ngành Dược</p>	<p>Ethical and socially responsible conduct</p>	<p>100%</p>	<p>Demonstrate appropriate attitudes and values in personal and professional dealings and</p>	<p>90%</p>

TT	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành B.S. in Pharmaceutical Sciences của Trường ĐH Purdue University <i>Được sự chấp thuận của khoa, ngày 19 tháng 2 năm 2010; tái khẳng định tháng 5 năm 2017; Sửa đổi tháng 4 năm 2019</i></p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Bachelor of Pharmacy của trường ĐH The University of Sydney <i>Áp dụng từ ngày 01/01/2020</i></p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>
<p>và trách nhiệm xã hội.</p>				<p>business practice and apply appropriate principles and reasoning skills to address ethical dilemmas in professional practice. Demonstrate an understanding of laws that govern the supply of medicines and the practice of Pharmacy, that maximises patient safety through Quality Use of Medicines (QUM) and minimises and manages medicine error. Demonstrate an appropriate duty of care to the wider public and an understanding of the role of the pharmacist in promoting public health.</p>	
7.	<p>ELO7 (A2). Thể hiện động cơ khởi nghiệp, khả năng nghiên</p>	<p>An understanding of drug discovery, development, and</p>	<p>70%</p>	<p>Ability to engage in research and scientific endeavour, and</p>	<p>70%</p>

TT	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2020</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành B.S. in Pharmaceutical Sciences của Trường ĐH Purdue University Được sự chấp thuận của khoa, ngày 19 tháng 2 năm 2010; tái khẳng định tháng 5 năm 2017; Sửa đổi tháng 4 năm 2019</p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>	<p>KQHTMĐ Chương trình đào tạo ngành Bachelor of Pharmacy của trường ĐH The University of Sydney <i>Áp dụng từ ngày 01/01/2020</i></p>	<p>Nhận xét (tỷ lệ giống nhau)</p>
	<p>cứu khoa học và học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</p>	<p>commercialization</p>		<p>critically examine scientific evidence – both quantitative and qualitative – in order to arrive at evidence-based conclusions. Demonstrate an understanding of the health care system in Australia and the roles of the pharmacist within it, and the factors informing health policy including epidemiological and economic issues.</p>	

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo
- Đối sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	172 (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)	165	168	Số tín chỉ tại NTT chênh lệch không nhiều so với các trường khác.
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	126/172 (Gồm cả môn tự chọn và môn riêng chuyên ngành)	93/165	92/168	Cấu trúc chương trình đào tạo tại NTT có sự tương đồng với các trường đào tạo Dược khác trong nước.
- Học phần đại cương	48 tín chỉ (27.9%)	44 (26.7%)	32 (19.0%)	Tỷ lệ số tín chỉ thuộc học phần đại cương tại NTT có sự tương đồng cao với ĐH Dược Hà Nội và cao hơn so với ĐH Y Dược TPHCM.
- Học phần cơ sở ngành	51 tín chỉ (29.7%)	37 (22.4%)	41 (24.4%)	Số tín chỉ thuộc học phần cơ sở ngành tại NTT chiếm tỉ lệ khá cao, xây dựng nền tảng vững chắc cho SV đi vào chuyên ngành.
- Học phần chuyên ngành	66 tín chỉ (38.3%)	74 (44.8%)	85 (50.6%)	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường ĐH Dược Hà Nội Khóa 2019 - Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Dược học của Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh - Ban hành kèm theo quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 10/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Nhận xét
- Học phân tốt nghiệp	7 tín chỉ (4.1%)	10 (6.0%)	10 (6.0%)	Số tín chỉ của học phân tốt nghiệp tại NTT có sự tương đồng với các trường khác trong nước.
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	14 tín chỉ (8.1%)	22 (13.3%)	20 (11.9%)	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Giảng dạy trực tiếp tại giảng đường phối hợp với học trực tuyến theo hình thức E-learning; hướng dẫn thực hiện bài tập, tiểu luận, đồ án, khóa luận; thực hành tại phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành.	Giảng dạy trực tiếp trên giảng đường, thực hành tại phòng thí nghiệm và cơ sở thực tế	Giảng dạy trực tiếp trên giảng đường, thực hành tại phòng thí nghiệm và cơ sở thực tế	
Học phí	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	

- Đối sánh quốc tế

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Science in Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Santo Tomas - Philippine (Từ năm học 2018)	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Sydney (Năm học 2020)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	172 (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)	225	192	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	126/172 (Gồm cả môn tự chọn và môn riêng chuyên ngành)	68/225	33/192	Số tín chỉ CTĐT ngành Dược ĐH Nguyễn Tất Thành chưa tương đồng với các trường ngoài nước nhưng vẫn đáp ứng những qui định đào tạo bậc đại học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Học phần đại cương	48 tín chỉ (27.9%)	65 (28.9%)	-	Có sự tương đồng về tỷ lệ số tín chỉ so với ĐH Santo Tomas. Trường ĐH Sydney, các HP đại cương được giảng dạy ở chương trình cao đẳng trước đó
- Học phần cơ sở ngành	51 tín chỉ (29.7%)	24 (10.7%)	54 (28.1%)	Tỉ lệ kiến thức cơ sở khối ngành của ĐH NTT tương đương ĐH Sydney (khoảng 30%), riêng trường Santo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Science in Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Santo Tomas - Philippine (Từ năm học 2018)	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Sydney (Năm học 2020)	Nhận xét
- Học phân chuyên ngành	66 tín chỉ (38.3%)	92 (40.8%)	138 (71.9%)	Tomas thấp nhất (10.7%). Khoa Dược xây dựng khối cơ sở ngành với tỷ lệ cao với mục đích tạo nền tảng y dược cơ sở chắc chắn cho SV tiếp thu các HP chuyên ngành.
- Học phân tốt nghiệp	7 tín chỉ (4.1%)	44 (19.6%)	Có thực tập cơ sở nhưng không tính số tín chỉ	Tỷ lệ HP chuyên ngành thấp hơn 5.4% so với ĐH Santo Tomas, tỷ lệ này ở ĐH Sydney cao hơn, một trong các nguyên nhân là vì không tính trên khối đại cương.
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	14 tín chỉ (8.1%)	33 (14.7%)	48 (25.0%)	Tỷ lệ tin chỉ thực tập và khóa luận tốt nghiệp của trường Santo có số tín chỉ tốt nghiệp cao hơn 12.6% so với ĐH Nguyễn Tất Thành.
Phương pháp giảng	Giảng dạy trực tiếp tại	Giảng dạy trực tiếp	Giảng dạy trực tiếp trên	Tỷ lệ này ở trường Nguyễn Tất Thành khá thấp so với các trường ngoài nước. Hình thức giảng dạy và học

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Science in Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Santo Tomas - Philippine (Từ năm học 2018)	CTĐT ngành Dược (Bachelor of Pharmacy - 4 years) của trường ĐH Sydney (Năm học 2020)	Nhận xét
đạy/học tập	giảng đường phối hợp với học trực tuyến theo hình thức E-learning; hướng dẫn thực hiện bài tập, tiểu luận, đồ án, khóa luận; thực hành tại phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành.	tại giảng đường, giải quyết vấn đề đặt ra; hướng dẫn làm bài luận, dự án nhỏ; thực hành phòng thí nghiệm; và thực hành ở cơ sở thực hành.	giảng đường; thực hành ở phòng thí nghiệm; workshops; hướng dẫn làm các bài tập, đồ án; và thực hành ở cơ sở thực hành.	tập của Khoa Dược ngày càng được đa dạng hóa gắn với các trường ngoài nước. Các phương pháp này giúp SV chủ động hơn trong học tập, tăng cường kỹ năng trong thực hành cũng như đưa SV gần với môi trường nghề nghiệp
Học phí	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	

18. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

➤ *Tầm nhìn:*

Đến năm 2025, Trường ĐH NTT là một trường Đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển trong và ngoài nước, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

➤ *Sứ mạng:*

Trường ĐH NTT cam kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược

➤ *Tầm nhìn:*

Đến năm 2025, Khoa Dược – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực Dược có chất lượng, uy tín, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, quốc gia và khu vực.

Khoa Dược mở rộng chuyên ngành đào tạo và có khả năng liên thông, liên kết với các trường đại học – viện đào tạo trong nước và khu vực.

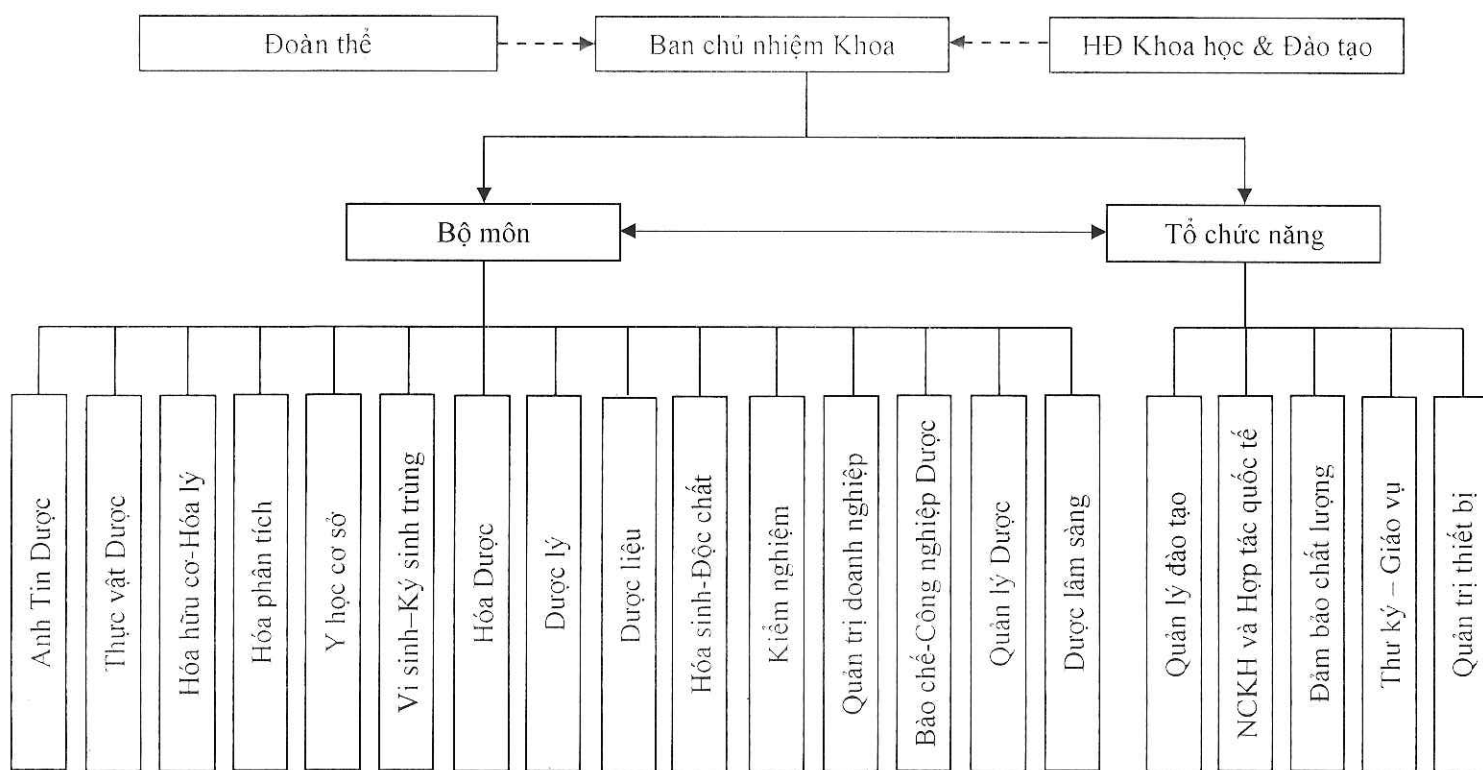
➤ *Sứ mạng:*

Sứ mạng của Khoa Dược – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là cung cấp các kiến thức và kỹ năng nhằm ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực Dược, đảm bảo nguồn nhân lực tham gia vào các lĩnh vực nghề nghiệp Dược trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.



Handwritten signature in red ink.

19. Sơ đồ tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ

Khoa Dược – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Địa chỉ: 300A _Nguyễn Tất Thành – P.13 – Quận 4 – TP.HCM
- Điện thoại: 02871080889 (số nội bộ: 322)
- Email: k.duoc@ntt.edu.vn
- Website: kd.ntt.edu.vn

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến): 2021

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỜNG KHOA

GS.TS. Nguyễn Văn Thanh